MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

UBND XÃ HẢI HẬU **ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS HẢI PHƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ TRƯỜNG THCS HẢI PHƯƠNG NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo cơ quan quản lý cấp trên)

I. Đánh giá chung

Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

- Về thực hiện nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình sử lý công việc:

+ Khối lượng công việc hoàn thành trong năm giảng dạy đủ các bộ môn, hoàn thành nội dung chương trình theo quy định của Bộ GD&ĐT.

+ Chất lượng các công việc hoàn thành được duyệt hoặc chấp nhận:

* Duy trì sĩ số học sinh.

* Nâng cao chất lượng hai mặt giáo dục.

* Thực hiện tốt các phong trào đoàn, đội và hoạt động ngoại khóa.

+ Chấp hành tốt chính sách, chế độ và quy định về tài chính.

+ Thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp đặt đặc thù của đơn vị là giáo dục và dạy học.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:

a) Về tổ chức bộ máy: Số phòng, ban, trung tâm trực thuộc của đơn vị; số tăng, giảm (nếu có); tình hình sắp xếp bộ máy của đơn vị.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm: 30 người (trong đó: số cán bộ, viên chức 28 người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên 02 người)

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm: 30 người (trong đó: số cán bộ, viên chức 28 người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên 02 người)

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tình hình chấp hành chính sách, chế độ và các quy định về tài chính: đơn vị chấp hành nghiêm các quy định hiện hành của Luật kế toán và các thông tư hướng dẫn của Bộ tài chính, định mức của UBND xã.

- Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước; hoạt động dịch vụ khác: Căn cứ các văn bản về chế độ, định mức chi do nhà nước quy định, đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và chấp hành tốt các chế độ tài chính đã xây dựng trong quy chế.

- Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên trong năm đơn vị đã hoàn thành tất cả các nhiệm vụ

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị

Đơn vị được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính là đơn vị sự nghiệp do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Đơn vị nhóm 4), đơn vị có mức tự đảm bảo dưới 10% chi thường xuyên theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a) Về các khoản thu sự nghiệp:

- Các khoản thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (thu học phí) cáu cấp mầm non và THCS theo Nghị quyết 17/2021/NQ- HĐND ngày 17/07/2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Nam Định

Căn cứ theo Công văn 927/SGDĐT-TC ngày 25/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình "Về việc thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026";

Căn cứ Công văn số 332/UBND-VHXH ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Hải Hậu "Về việc thực hiện các khoản thu tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã Hải Hậu năm học 2025-2026". Gồm các khoản: gửi xe, Nước uống, vệ sinh, kỹ năng sống, ăn bán trú, BHYT.

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên:

- Nguồn thu

+ Dự toán thu: 7 158 875 triệu đồng.

+ Số thực hiện: 7 158 875 triệu đồng.

- Chi thường xuyên:

+ Dự toán chi: 7 158 875 triệu đồng.

+ Số thực hiện: 7 158 875 triệu đồng.

c) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ : 0 đồng.

d) Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm

- Tổng chi thu nhập tăng thêm của đơn vị: 0 đồng

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ

Triển khai trong cuộc họp xây dựng quy chế cùng thảo luận, công khai rộng rãi trong hội đồng sư phạm, Niêm yết công khai tại văn phòng nhà trường.

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn

- Về vay vốn của các tổ chức tín dụng: 0 đồng

- Về huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị: 0 đồng;

5. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên

- Nguồn thu

+ Dự toán thu: 853 148 triệu đồng

+ Số thực hiện: 853 148 triệu đồng

- Chi không thường xuyên:

+ Dự toán chi: 853 148 triệu đồng

+ Số thực hiện: 853 148 triệu đồng

(Biểu báo cáo số liệu kèm theo phụ lục 6).

Hải Hậu, Ngày 27 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký tên)	*(Ký tên, đóng dấu)*
Nguyễn Văn Bảy	**Nguyễn Chí Cao**

UBND XÃ HẢI HẬU
TRƯỜNG THCS HẢI PHƯƠNG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH NĂM 2025

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	**Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị**	Người			
1	Số cán bộ, viên chức	Người	28	**28**	
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người	2	2	
II	**Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp**	Triệu đồng	**6 400 329**	**6 400 329**	
III	**Nguồn tài chính**	Triệu đồng	**8 012 023**	**8 012 023**	
A	***Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên***		**7 158 875**	**7 158 875**	
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:				
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ				
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)		224 267	224 267	
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)				
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)				
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)		6 852 435	6 852 435	

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)				
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
7	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)		82 173	82 173	
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)				
IV	**Chi thường xuyên**		**7 158 875**	**7 158 875**	
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương		6 400 329	6 400 329	
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp		477 615	477 615	
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí				
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên		230 554	230 554	
6	Trích khấu hao tài sản cố định				
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)				
8	Chi trả lãi tiền vay				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nêu có)		50 377	50 377	
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên				
V	**Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)**				
	(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập				
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				
4	Trích Quỹ khác (nếu có)				
	(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)				
5	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng			
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần			
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
B	***Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ***		**853 148**	**853 148**	
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí)				
1	**Nguồn thu**		**853 148**	**853 148**	
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (chi tiết từng loại kinh phí)		853 148	853 148	
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác				
2	**Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ**		**853 148**	**853 148**	
a	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng				
b	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp		12 080	12 080	
c	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên		53 000	53 000	
d	Chi thưởng thường xuyên		337 325	337 325	

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
e	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)		450 743	450 743	
IV	**Về vay vốn, huy động vốn**	Triệu đồng			
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				

Hải Hậu, ngày 27 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

Nguyễn Văn Bảy

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

U.B.N.D XÃ HẢI HẬU
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HẢI PHƯƠNG
HNI9

Nguyễn Chí Cao